

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
ĐỢT THI NGÀY 02.08.2026**

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
1	419240035	Phạm Nguyễn Đức Anh	Nam	24SPP01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
2	411220082	Lê Quỳnh Châu	Nữ	22CNA03	Bậc 3 (B1) Hàn	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
3	411230656	Hồ Phan Uyên Châu	Nữ	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
4	412220243	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
5	411210209	Trần Xuân Quang Đăng	Nam	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
6	411210503	Dương Thị Thùy Dung	Nữ	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
7	412240258	Đinh Thị Thùy Dương	Nữ	24CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
8	411220446	Nguyễn Mỹ Duyên	Nữ	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
9	411210254	Lê Huỳnh Phương Giao	Nữ	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
10	414220010	Lưu Khả Hân	Nữ	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
11	414220012	Mai Thúy Hằng	Nữ	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
12	414220014	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
13	417220143	Nguyễn Thị Hồng Hường	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
14	413230011	Võ Nguyên Khang	Nam	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
15	413220039	Trần Phùng Vân Khánh	Nữ	22CNPDL01	Bậc 3 (B1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
16	414220047	Võ Ngọc Đăng Khoa	Nam	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
17	412220305	Nguyễn Lê Đắc Lân	Nam	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Pháp	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
18	419220010	Đỗ Thị Phương Linh	Nữ	22SPA01	Bậc 3 (B1) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
19	411230625	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
20	411210556	Phạm Thị Hoài Linh	Nữ	21CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
21	416220081	Phạm Bảo Long	Nam	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
22	411220055	Nguyễn Cao Hoài Ly	Nữ	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
23	414230056	Trần Lê Khánh Ly	Nữ	23CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
24	416220049	Triệu Ly	Nữ	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Nhật	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
25	412230222	Y Na Ly	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
26	412170327	Vũ Thị Mai	Nữ	17CNATM03	Bậc 2 (A2) Hàn	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
27	411210598	Bùi Khắc Tuệ Mẫn	Nữ	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
28	412230308	Nguyễn Vũ Thảo Mi	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
29	412220281	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
30	411220323	Bùi Thị Ly Na	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
31	411220487	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
32	411220362	Trần Thị Tuyết Ngân	Nữ	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
33	413230039	Ông Phạm Khánh Nguyên	Nam	23CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
34	412220018	Bùi Trung Nhật	Nam	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
35	417220244	Kiều Thị Quỳnh Nhi	Nữ	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
36	412220021	Hoàng Lam Nhi	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
37	411220365	Trần Thị Mỹ Nhi	Nữ	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
38	411220428	Cao Yến Nhi	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
39	411220177	Trần Nữ Ngọc Như	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
40	412210280	Phạm Công Phú	Nam	21CNATMCLC03	Bậc 2 (A2) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
41	411210605	Nguyễn Trịnh Hồng Phúc	Nữ	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
42	417220247	Nguyễn Mai Phương	Nữ	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
43	411230061	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
44	411220142	Trần Thị Khánh Quỳnh	Nữ	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
45	412220096	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
46	411230137	Võ Thị Thúy Quỳnh	Nữ	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
47	411220256	Mai Văn Tài	Nam	22CNA07	Bậc 3 (B1) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
48	411220068	Lê Thị Trí Thành	Nữ	22CNA02	Bậc 3 (B1) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
49	411220537	Hoàng Thị Thảo	Nữ	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
50	412220323	Huỳnh Ngọc Anh Thư	Nữ	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Hàn	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
51	412220032	Châu Anh Thư	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
52	412220069	Trần Thị Minh Thư	Nữ	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Nhật	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
53	411220539	Nguyễn Thái Thủy	Nữ	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
54	412230072	Nguyễn Lê Trà Tiên	Nữ	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
55	412200297	Trần Lê Bảo Trâm	Nữ	20CNATMCLC02	Bậc 2 (A2) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
56	411220503	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
57	411230068	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
58	411220579	Trần Thị Phương Trang	Nữ	22BHTC01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
59	411230533	Huỳnh Thị Thu Trang	Nữ	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
60	411220378	Doãn Thị Anh Trinh	Nữ	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
61	412220036	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
62	412171125	Nguyễn Thị Minh Tuyết	Nữ	17CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
63	411190826	Trần Thị Minh Vân	Nữ	19CNACLC08	Bậc 2 (A2) Trung	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
64	417220106	Phan Thị Vân	Nữ	23CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	CHƯA NỘP LỆ PHÍ
1	411220412	Nguyễn Hà An	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
2	412180087	Trịnh Thị Vân Anh	Nữ	18CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
3	411170809	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	17CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
4	411210415	Đâu Lê Phương Anh	Nữ	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
5	411170806	Bùi Trần Hoàng Ngọc Như Anh	Nữ	17CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
6	411220510	Phạm Hoàng Minh Anh	Nữ	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Hàn	
7	412220241	Trần Thị Tú Anh	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
8	412220215	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
9	412220002	Bùi Thị Quỳnh Anh	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
10	411220041	Trương Công Anh	Nam	22CNA02	Bậc 3 (B1) Trung	
11	412200120	Lê Thị Vân Anh	Nữ	20CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
12	412220188	Lê Thị Lan Anh	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn	
13	413230032	Lê Phương Anh	Nữ	23CNPDL01	Bậc 5 (C1) Pháp	
14	411220156	Lê Loan Anh	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
15	412210264	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
16	411190492	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	19CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
17	411170038	Võ Ngọc Ánh	Nữ	17CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
18	411230540	Mai Thị Ngọc Ánh	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	
19	411200060	Trần Thị Bắc	Nữ	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
20	415230001	Trần Văn Ban	Nam	23BHTCTQ01	Bậc 5 (C1) Trung	
21	412240130	Võ Thị Khánh Băng	Nữ	24CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
22	411220472	Đinh Quốc Bảo	Nam	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
23	411200769	Nguyễn Vũ Châu	Nữ	20CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh	
24	412230045	Nguyễn Ngọc Quỳnh Châu	Nữ	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
25	417220137	Nguyễn Lê Bảo Châu	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
26	411200111	Trần Thị Chi	Nữ	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
27	411220309	Nguyễn Anh Chi	Nữ	22CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
28	411230193	Lê Thị Thùy Chi	Nữ	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
29	411220004	Từ Thị Chí	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
30	412200086	Lê Văn Đại	Nam	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
31	411200798	Nguyễn Lê Linh Đan	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
32	411220044	Nguyễn Thị Hải Đăng	Nữ	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn	
33	412170828	Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao	Nữ	17CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
34	412171172	Ksor H' Điệp	Nữ	17CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
35	411200191	Trần Thị Huyền Diệu	Nữ	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
36	411220159	Hứa Thùy Diệu	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
37	411230038	Trần Thị Phương Diệu	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
38	411190046	Lê Thị Kim Dung	Nữ	19CNA08	Bậc 2 (A2) Pháp	
39	412210045	Trần Thị Thùy Dung	Nữ	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
40	412170086	Hồ Trịnh Phương Dung	Nữ	17CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
41	412210267	Trần Thị Phan Dung	Nữ	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
42	411190510	Trương Đức Minh Dũng	Nam	19CNACLC02	Bậc 2 (A2) Nhật	
43	411230468	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
44	411210126	Nguyễn Thị Khánh Duy	Nữ	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
45	411200650	Lê Thị Phương Duyên	Nữ	20CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
46	411190516	Ngô Nguyễn Thùy Duyên	Nữ	19CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
47	411210709	Phan Thị Duyên	Nữ	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
48	412220335	Nguyễn Phạm Kiều Duyên	Nữ	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
49	412220006	Hoàng Thị Mỹ Duyên	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
50	411210650	Lê Thị Quỳnh Duyên	Nữ	21CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
51	411200115	Nguyễn Minh Giang	Nữ	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
52	411220161	Đinh Thị Hà Giang	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
53	411170863	Nguyễn Thu Hà	Nữ	17CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
54	411170860	Trần Thị Thu Hà	Nữ	17CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
55	411220237	Võ Thị Hà	Nữ	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
56	412230048	Nguyễn Trần Hoài Diệu Hà	Nữ	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn	
57	411170139	Trần Thị Hai	Nữ	17CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
58	411180706	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	18CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
59	411210710	Đỗ Phạm Da Hân	Nữ	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
60	411200281	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
61	412180709	Đỗ Thị Thúy Hằng	Nữ	18CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
62	412220273	Lê Thanh Hằng	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
63	414220011	Ngô Thị Thúy Hằng	Nữ	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
64	411200709	Trần Mai Hạnh	Nữ	20CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
65	413220007	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
66	411230042	Nguyễn Thị Thuý Hậu	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
67	411190553	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Nữ	19CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
68	411170184	Mai Thủy Thu Hiền	Nữ	17CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
69	411170181	Võ Thị Thanh Hiền	Nữ	17CNA09	Bậc 2 (A2) Nhật	
70	411190104	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	19CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
71	417220114	Nguyễn Đoàn Diệu Hiền	Nữ	22CNHCLC01	Bậc 5 (C1) Hàn	
72	416220150	Hồ Văn Hiếu	Nam	22CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh	
73	411180203	Đỗ Thị Hiếu	Nữ	18CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
74	412220193	Đậu Thị Hoa	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
75	412200212	Trịnh Thị Diệu Hòa	Nữ	20CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
76	419200032	Huỳnh Nhật Hoàng	Nam	21SPP01	Bậc 4 (B2) Pháp	
77	411230619	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
78	411230510	Nguyễn Kim Hoàng	Nam	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
79	411220126	Lê Thị Thu Hồng	Nữ	22CNA04	Bậc 3 (B1) Trung	
80	411200450	Đỗ Thị Huệ	Nữ	20CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
81	412220008	Lê Gia Huệ	Nữ	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
82	411210426	Trần Thị Lan Hương	Nữ	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
83	411230434	Võ Thị Hường	Nữ	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
84	412200009	Huỳnh Long Huy	Nam	20CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
85	411210133	Huỳnh Đức Huy	Nam	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
86	411230240	Nguyễn Huỳnh Minh Huy	Nam	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
87	411200079	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
88	412210302	Trần Thị Huyền	Nữ	21CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
89	411220279	Nguyễn Thị Kim Huyền	Nữ	22CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
90	412220223	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
91	419230011	Nguyễn Khoa Diệu Huyền	Nữ	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
92	411170907	Lê Nguyên Khang	Nam	17CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
93	411220422	Lê Ngọc Bảo Khanh	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
94	411210555	Vũ Thị Gia Khánh	Nữ	21CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
95	411230358	Nguyễn Thị Diệu Khánh	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
96	411210134	Nguyễn Lương Hương Khoa	Nữ	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
97	411220423	Lê Đỗ Minh Khôi	Nam	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
98	411230513	Phạm Minh Khuê	Nữ	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
99	411170916	Nguyễn Ngọc Diệu Kỳ	Nữ	17CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
100	411220205	Trương Thị Thanh Lam	Nữ	22CNA06	Bậc 3 (B1) Trung	
101	411200364	Lê Hồng Lam	Nữ	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
102	411180770	Bùi Diệu Linh	Nữ	18CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
103	411210716	Bùi Trúc Linh	Nữ	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
104	411180278	Nguyễn Thị Tuyết Linh	Nữ	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
105	411180774	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	18CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
106	411200712	Nguyễn Thị Thuý Linh	Nữ	20CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
107	411220053	Trần Thị Trà Linh	Nữ	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
108	411220482	Phan Thị Mỹ Linh	Nữ	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Hàn	
109	421240049	Nguyễn Ngọc Thảo Linh	Nữ	24CNH02	Bậc 3 (B1) Anh	
110	412230178	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	23CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
111	412220278	Lê Thị Linh Linh	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
112	412230056	Nguyễn Đào Khánh Linh	Nữ	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
113	411220483	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
114	411200492	Nguyễn Mai Linh	Nữ	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
115	411180783	Nguyễn Thị Loan	Nữ	18CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
116	411230165	Nguyễn Xuân Lộc	Nam	23CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
117	411200291	Phạm Thị Lợi	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
118	412220252	Vũ Trần Long	Nam	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
119	412230305	Nguyễn Đoàn Quân Long	Nam	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
120	414220017	Võ Thành Long	Nam	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
121	411200598	Đinh Thị Mai Lưu	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
122	411230089	Phạm Thị Hồng Lưu	Nữ	23CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
123	417200091	Phạm Thị Thảo Ly	Nữ	20CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật	
124	412210186	Kiều Lê Khánh Ly	Nữ	21CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
125	417200171	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	20CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn	
126	411230668	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	Nữ	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
127	411230322	Võ Hoàng Ly	Nữ	23CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
128	412220198	Nguyễn Thị Ly Ly	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
129	411220094	Trần Hoàng Lý	Nữ	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
130	411200168	Phạm Thị Ngọc Mai	Nữ	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
131	414210012	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	21CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
132	412170945	Từ Thị Tuyết Mai	Nữ	17CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
133	411220484	Trương Hoàng Xuân Mai	Nữ	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
134	412220227	Nguyễn Trần Phương Mai	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
135	417220241	Trần Thị Thanh Mai	Nữ	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
136	411180317	Nguyễn Thị Mến	Nữ	18CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
137	412220306	Phan Thị Minh	Nữ	22CNATMBĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
138	411190629	Đỗ Thảo My	Nữ	19CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
139	417210055	Võ Phan Hà My	Nữ	21CNJ02	Bậc 4 (B2) Nhật	
140	412220199	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
141	411220454	Phạm Thị Như My	Nữ	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
142	411220360	Lê Thị Trà My	Nữ	22CNA10	Bậc 3 (B1) Trung	
143	411220171	Huỳnh Nguyễn Thị Trà My	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
144	411210688	Phạm Nguyễn Trà My	Nữ	21CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
145	412210103	Võ Thị Mỹ	Nữ	21CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
146	411200599	Võ Thị Linh Na	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
147	411230441	Nguyễn Phúc Na	Nam	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
148	414220018	Nguyễn Thị Thanh Nam	Nữ	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga	
149	411220526	Phan Ngọc Hà Nam	Nam	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Trung	
150	411220018	Nguyễn Thị Nga	Nữ	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
151	411220096	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
152	412190960	Siu H' Linh Nga	Nữ	19CNATM02	Bậc 2 (A2) Hàn	
153	411220134	Phạm Trương Thanh Ngà	Nữ	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
154	411180816	Nguyễn Thị Bảo Ngân	Nữ	18CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
155	411170961	Chế Thị Kim Ngân	Nữ	17CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
156	411210748	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
157	411200333	Vũ Thị Kim Ngân	Nữ	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
158	412220256	Dương Thị Ngân	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
159	411220425	Phạm Thị Ái Ngân	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
160	417220149	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
161	411220426	Võ Thị Thanh Ngân	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
162	412210019	R'Com Ngіũ	Nữ	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
163	414170080	NGÔ ÁNH NGỌC	Nữ	17CNN01	Bậc 4 (B2) Nga	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
164	411200631	Mai Kim Ngọc	Nữ	20CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
165	411200086	Hồ Thị Ánh Ngọc	Nữ	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
166	411200809	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
167	411210435	Phạm Bích Ngọc	Nữ	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
168	417230093	Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc	Nữ	23CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	
169	411220060	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
170	412170381	Lưu Thị Ngọc	Nữ	17CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
171	411170395	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	Nữ	17CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
172	411190673	Phạm Minh Nguyệt	Nữ	19CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
173	411200250	Trần Thị Minh Nguyệt	Nữ	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
174	412200182	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
175	411200130	Trần Thị Mỹ Nhân	Nữ	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
176	417230199	Nguyễn Xuân Nhật	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
177	411200501	Trần Thị Xuân Nhi	Nữ	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
178	411180389	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	18CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
179	411200600	Nguyễn Linh Nhi	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
180	412170984	Nguyễn Phương Uyên Nhi	Nữ	17CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
181	416220090	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Nữ	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	
182	412220312	Lê Nguyễn Thảo Nhi	Nữ	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
183	417230201	Lê Uyên Nhi	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
184	411220492	Văn Lê Yến Nhi	Nữ	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
185	412220230	Nguyễn Trần Yến Nhi	Nữ	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
186	412230225	Ngô Thị Yến Nhi	Nữ	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
187	411230444	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
188	412220092	Lê Hoàng Yến Nhi	Nữ	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
189	412200098	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
190	417210174	Huỳnh Trần Quỳnh Như	Nữ	21CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn	
191	411240601	Mai Thị Quỳnh Như	Nữ	24CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
192	412220132	Nguyễn Thị Thảo Như	Nữ	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Hàn	
193	417230202	Hồ Quỳnh Như	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
194	411200634	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	20CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
195	411170446	Lương Thị Thanh Nhung	Nữ	17CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
196	411200299	Hách Thị Hồng Nhung	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
197	412190686	Lê Thị Tý Nhung	Nữ	19CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
198	417220221	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Nữ	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
199	412220204	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
200	411230057	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
201	411200210	Võ Thị Hồng Ni	Nữ	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
202	412200100	H Mai Niê	Nữ	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
203	415230177	Lê Huỳnh Xuân Phúc	Nữ	23CNTDL01	Bậc 3 (B1) Anh	
204	412220260	Nguyễn Thiên An Phúc	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	
205	411230680	Ngô Thiện Phước	Nam	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
206	417190058	Ngô Thị Liên Phương	Nữ	19CNJ02	Bậc 3 (B1) Anh	
207	415200049	Nguyễn Ngọc Lam Phương	Nữ	20CNTCLC01	Bậc 5 (C1) Trung	
208	411200253	Huỳnh Thị Uyên Phương	Nữ	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
209	411190299	Võ Thị Sơn Phương	Nữ	19CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
210	411210694	Lê Thị Băng Phương	Nữ	21CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
211	417200112	Phan Thị Trúc Phương	Nữ	20CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật	
212	411230369	Vũ Thị Thu Phương	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
213	411230485	Hồ Hải Phương	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
214	411230447	Nguyễn Mai Phương	Nữ	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
215	411230331	Vũ Bích Phương	Nữ	23CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
216	411220064	Đâu Xuân Phương	Nam	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
217	411230486	Huỳnh Thị Thu Phương	Nữ	23CNA12	Bậc 3 (B1) Hàn	
218	411230641	Nguyễn Võ Đình Quân	Nam	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
219	411170507	Lữ Vũ Lệ Quyên	Nữ	17CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
220	411210441	Đinh Hằng Quyên	Nữ	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
221	412200263	Trần Thị Ánh Quyên	Nữ	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
222	411210755	Mai Thị Lệ Quyên	Nữ	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
223	411220368	Nguyễn Thanh Thục Quyên	Nữ	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
224	413230019	Phạm Hoàng Tiểu Quyên	Nữ	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp	
225	412230027	Nguyễn Lương Diệu Quyên	Nữ	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
226	411200812	Trịnh Ngọc Quỳnh	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
227	411170510	Đặng Thị Quỳnh	Nữ	17CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
228	411210696	Vũ Thị Như Quỳnh	Nữ	21CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
229	411220065	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
230	411230564	Trần Như Quỳnh	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	
231	411220534	Nguyễn Như Phương Quỳnh	Nữ	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
232	416230102	Nguyễn Lê Như Quỳnh	Nữ	23CNQTH01	Bậc 3 (B1) Anh	
233	416220091	Nguyễn Lê Trúc Quỳnh	Nữ	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	
234	411220104	Nguyễn Phương Quỳnh	Nữ	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
235	411200664	Cao Thị Như Quỳnh	Nữ	20CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
236	411230488	Phạm Thị Như Quỳnh	Nữ	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
237	412171042	Lê Thị Như Quỳnh	Nữ	17CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
238	411170527	Nguyễn Thảo Tâm	Nữ	17CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
239	412200295	Võ Thị Thanh Tâm	Nữ	20CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
240	411210756	Cao Tổ Tâm	Nữ	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
241	412170536	Phạm Ngọc Thạch	Nam	17CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh	
242	411200341	Ksor Thẩm	Nữ	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
243	419240022	Đoàn Phạm Hồng Thẩm	Nữ	24SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
244	414220028	Nguyễn Phú Thắng	Nam	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh	
245	412200264	Phan Thị Minh Thanh	Nữ	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
246	411200342	Lưu Quốc Thanh	Nam	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
247	411210193	Hà Huy Hoàng Thành	Nam	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
248	411230063	Nguyễn Phan Ngọc Thành	Nam	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
249	412200235	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	20CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
250	411171058	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	17CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
251	445250049	Lưu Phương Thảo	Nữ	25BHTCTQ02	Bậc 5 (C1) Trung	
252	411200304	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
253	415200179	Huỳnh Phi Huyền Thảo	Nữ	20CNT02	Bậc 3 (B1) Anh	
254	411190354	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	19CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
255	411220029	Phạm Huỳnh Nhật Thảo	Nữ	22CNA01	Bậc 3 (B1) Trung	
256	411220498	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh	
257	417220097	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	22CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	
258	411220183	Đặng Ngọc Phương Thảo	Nữ	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
259	412230316	Nguyễn Hạ Thanh Thảo	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
260	411200511	Hồ Thị Thiện	Nữ	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
261	419170060	Nguyễn Như Thoa	Nữ	17SPA01	Bậc 5 (C1) Anh	
262	411220373	Nguyễn Thị Hồng Thoa	Nữ	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
263	412200190	Nguyễn Thị Minh Thu	Nữ	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
264	411170582	Nguyễn Võ Anh Thư	Nữ	17CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
265	411200306	Nguyễn Nhật Thư	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
266	411171071	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Nữ	17CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
267	412220290	Bùi Ngọc Anh Thư	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
268	411230567	Lê Minh Thư	Nữ	23CNA14	Bậc 3 (B1) Pháp	
269	412230151	Huỳnh Thị Hoài Thương	Nữ	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
270	417220157	Lê Thị Thương	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
271	411210155	Hoàng Thị Phương Thúy	Nữ	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
272	411190770	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	19CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh	
273	412210257	Trần Thị Ngọc Thúy	Nữ	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
274	411200096	Thái Thị Thanh Thúy	Nữ	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
275	412210074	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
276	411220433	Đào Phương Thủy	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
277	411190384	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	19CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
278	411180528	Đào Thị Thủy	Nữ	18CNA05	Bậc 5 (C1) Anh	
279	411230376	Trần Thị Thủy	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
280	416220172	Trần Thị Bích Thủy	Nữ	22CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh	
281	417200051	Huỳnh Kim Thuyền	Nữ	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
282	411200815	Lý Quỳnh Thy	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
283	411170631	Trương Ngọc Tiên	Nữ	17CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
284	411220406	Đặng Thị Quế Tiên	Nữ	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
285	417220158	Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
286	411200515	Nguyễn Thị Nhật Tiên	Nữ	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	
287	412220142	Trần Ngọc Thủy Tiên	Nữ	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh	
288	412210075	Lê Trần Trung Tiến	Nam	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
289	412170639	Hồ Thị Thanh Tiên	Nữ	17CNADL04	Bậc 5 (C1) Anh	
290	411220032	Trịnh Thị Trúc Tiên	Nữ	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
291	412220292	Lê Thị Thanh Trà	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
292	411220434	Trịnh Thị Ngọc Trâm	Nữ	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
293	411220376	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
294	411230339	Hồ Quỳnh Trâm	Nữ	23CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
295	411230416	Huỳnh Thị Bích Trâm	Nữ	23CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
296	411210198	Huỳnh Thị Bích Trâm	Nữ	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
297	415200058	Trần Lê Ngọc Trân	Nữ	20CNTCLC01	Bậc 5 (C1) Trung	
298	411220264	Phan Nguyễn Quế Trân	Nữ	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh	
299	411240451	Trần Tuyết Trân	Nữ	24CNA12	Bậc 3 (B1) Trung	
300	411210283	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Nữ	21CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
301	412220266	Phạm Hà Bảo Trân	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	
302	411190958	Hoàng Thị Trang	Nữ	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh	
303	411200791	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	20CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh	
304	411200432	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	20CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
305	411200141	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
306	411200549	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh	
307	411170671	Phạm Thùy Trang	Nữ	17CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
308	411190789	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	19CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
309	412220327	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
310	412180939	Đỗ Thị Thùy Trang	Nữ	18CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
311	411200608	Chu Thị Trang	Nữ	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh	
312	411230417	Bùi Mai Trang	Nữ	23CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
313	411220407	Phạm Thị Trang	Nữ	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
314	411170685	Phạm Thị Hà Trang	Nữ	17CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
315	411200819	Đỗ Nữ Hoàng Trinh	Nữ	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh	
316	411170713	Lê Thị Ngọc Trinh	Nữ	17CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
317	412170714	Nguyễn Thị Thùy Trinh	Nữ	17CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh	
318	411220035	Trần Thị Trinh	Nữ	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh	
319	411220505	Lê Thị Kim Trinh	Nữ	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung	
320	411220152	Hồ Trịnh Ngọc Trúc	Nữ	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh	
321	412170724	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	17CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh	
322	412170721	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	17CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh	
323	412180956	Trần Thanh Tuyền	Nữ	18CNATMCLC03	Bậc 2 (A2) Trung	
324	411171123	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	17CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
325	419200027	Lê Hạ Vĩnh Tuyền	Nữ	20SPT01	Bậc 3 (B1) Anh	
326	411190736	Lê Thị Minh Tuyền	Nữ	19CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
327	412230319	Nguyễn Chúc Oanh Tuyền	Nữ	23CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh	
328	411230460	Huỳnh Thị Minh Tuyết	Nữ	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh	

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Lớp	Cấp độ dự thi	Trạng thái
329	4.11132E+11	Quách Thảo Uyên	Nữ	17SPA02	Bậc 5 (C1) Anh	
330	411210614	Nguyễn Tố Uyên	Nữ	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
331	411200433	Hồ Phương Uyên	Nữ	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
332	411180596	Nguyễn Thị Tú Uyên	Nữ	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
333	411210538	Lê Thị Như Uyên	Nữ	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh	
334	411170744	Nguyễn Thị Tố Uyên	Nữ	17CNA02	Bậc 5 (C1) Anh	
335	411180967	Trần Thảo Uyên	Nữ	18CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
336	412220267	Trần Đỗ Tố Uyên	Nữ	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn	
337	411230574	Nguyễn Phương Uyên	Nữ	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh	
338	411250523	Hồ Nguyễn Tường Uyên	Nữ	25CNA13	Bậc 5 (C1) Anh	
339	411230692	Trần Nguyễn Đan Uyên	Nữ	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh	
340	416220067	Lê Thị Tú Uyên	Nữ	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn	
341	411210371	Trần Thanh Vân	Nữ	21CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
342	411171140	Lê Thị Vân	Nữ	17CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
343	412220184	Lê Thị Ngọc Vân	Nữ	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh	
344	411220037	Đặng Nguyễn Hùng Văn	Nam	22CNA01	Bậc 3 (B1) Trung	
345	412171144	Tăng Thị Vi	Nữ	17CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
346	412210203	Lê Trần Yến Vi	Nữ	21CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh	
347	411220467	Võ Thị Bích Vi	Nữ	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh	
348	411200725	Nội Thế Vinh	Nam	20CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh	
349	411230745	Lê Vương	Nam	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung	
350	415200063	Đoàn Thúy Vy	Nữ	20CNTCLC01	Bậc 5 (C1) Trung	
351	411180630	Phạm Thị Hà Vy	Nữ	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh	
352	416220099	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn	
353	417220169	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật	
354	411200435	Nguyễn Nhật Vy	Nữ	20CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
355	411230384	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh	
356	412220294	Lê Ngọc Ái Vy	Nữ	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh	
357	417230221	Phạm Thị Như Ý	Nữ	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật	
358	417200058	Hoàng Hải Yến	Nữ	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật	
359	411170797	Lâm Hoàng Yến	Nữ	17CNA08	Bậc 5 (C1) Anh	
360	417200293	Huỳnh Thị Hải Yến	Nữ	20CNH03	Bậc 3 (B1) Anh	